BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG DU LỊCH HUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 144/QĐ-CĐDLH

Thừa Thiên Huế, ngày 28 tháng 3 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp đối với sinh viên hệ Cao đẳng các khóa 12,11,10,9

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG DU LỊCH HUẾ

Căn cứ Quyết định số 14/2007/QĐ-BLĐTBXH ngày 24 tháng 5 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc ban hành Quy chế thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp trong dạy nghề hệ chính quy;

Căn cứ Thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ, quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 1876/QĐ-BLĐTBXH ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc thành lập Trường Cao đẳng nghề Du lịch Huế; nay là Trường Cao đẳng Du lịch Huế theo Quyết định số 328/QĐ-BLĐTBXH ngày 14 tháng 3 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Quyết định số 3485/QĐ-BVHTTDL ngày 19 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch về Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Du lịch Huế;

Căn cứ Biên bản số 02/BB-HĐTN ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng thi tốt nghiệp của trường Cao đẳng Du lịch Huế về việc họp xét công nhận tốt nghiệp hệ Trung cấp và Cao đẳng năm 2022;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận và cấp bằng tốt nghiệp đối với 383 sinh viên hệ Cao đẳng như sau:

- Hệ Cao đẳng khóa 12: 355 sinh viên *(có danh sách kèm theo).*
- Hệ Cao đẳng các khoá 11,10,9: 28 sinh viên *(có danh sách kèm theo).*

Điều 2. Ban thư ký Hội đồng thi tốt nghiệp của Trường Cao đẳng Du lịch Huế có nhiệm vụ công bố điểm thi và hoàn thành thủ tục công nhận tốt nghiệp theo đúng quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp đối với hệ Cao đẳng.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Đào tạo, Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế; Trưởng phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục, Trưởng phòng Công tác học sinh sinh viên; Trưởng các phòng, khoa, trung tâm và các sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Tổng cục GDNN (Bộ LĐTBXH);
- Vụ Đào tạo (Bộ VHTT,DL);
- Sở LĐTB&XH TT.Huế;
- Như Điều 3;
- Lưu VT,ĐTQLKHHTQT, VQ(02).

để báo cáo)

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG CAO ĐẲNG DU LỊCH HUẾ

Vũ Hoài Phương

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG DU LỊCH HUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP HỆ CAO ĐẲNG KHÓA 12

(Kèm theo Quyết định số 144...../QĐ-CĐDLH ngày 28.. tháng.. 3.. năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Du Lịch Huế)

Stt	Họ và tên		GT	Ngày sinh	Nơi sinh	TBC TK	XLRL TK	Môn thi tốt nghiệp			Kết quả tốt nghiệp		Ghi chú
								Ctrị.TN	LTTH	THNV	TBXL TN	XHTN	
1	Nguyễn Thị Tâm	Anh	Nữ	13/04/2001	Huế - Thừa Thiên Huế	7.7	Khá	8.5	8.2	8.2	8.0	Giỏi	C12CB1
2	Lê Thị Bảo	Ánh	Nữ	08/07/2001	Hương Trà - Thừa Thiên Huế	7.1	Khá	5.8	5.2	7.9	7.1	Khá	C12CB1
3	Trương Hoàng	Duy	Nam	13/12/2001	ĐăkLăk - tỉnh Đăk Lăk	7.2	Khá	5.6	7.8	7.8	7.5	Khá	C12CB1
4	Lê Thị Kiều	Duyên	Nữ	13/07/2001	Hương Trà - Thừa Thiên Huế	7	Khá	5.8	6.1	8	7.2	Khá	C12CB1
5	Nguyễn Thị	Hạnh	Nữ	9/9/2001	Hương Trà - Thừa Thiên Huế	7.1	Khá	6.6	5.4	8	7.1	Khá	C12CB1
6	Hoàng Trọng	Hiệp	Nam	20/08/2001	Huế - Thừa Thiên Huế	7.2	Khá	7.3	5.1	7.8	7.0	Khá	C12CB1
7	Nguyễn	Hiếu	Nam	27/01/2001	Huế - Thừa Thiên Huế	7.8	Khá	9	8	8.1	7.9	Khá	C12CB1
2	Võ Thị Minh	Hương	Nữ	10/11/2000	Huế - Thừa Thiên Huế	8.1	Tốt	7.3	7.3	8.3	8.0	Giỏi	C12CB1
9	Nguyễn Đức Minh	Huy	Nam	07/09/1999	Huế - Thừa Thiên Huế	7.8	Khá	5.7	8.5	8.5	8.1	Giỏi	C12CB1
10	Nguyễn Trần Minh	Huy	Nam	08/05/2000	Huế - Thừa Thiên Huế	7.6	Khá	7.1	7.7	7.9	7.7	Khá	C12CB1
11	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	Nữ	13/04/2001	Huế - Thừa Thiên Huế	7.4	Khá	8.3	5.4	7.9	7.2	Khá	C12CB1
12	Đỗ Thị Mỹ	Lệ	Nữ	27/08/2001	Triệu Phong - Quảng Trị	7.5	Khá	7.9	6.1	7.9	7.4	Khá	C12CB1
13	Nguyễn Văn Nhật	Linh	Nam	13/10/2001	Hương Trà - Thừa Thiên Huế	6.9	Khá	5.9	5.8	8.1	7.1	Khá	C12CB1
14	Nguyễn Thị Ái	Ly	Nữ	11/10/2001	Triệu Phong - Quảng Trị	8.2	Tốt	8.8	7.6	8.1	8.1	Giỏi	C12CB1
15	Văn	Minh	Nam	18/10/2001	Huế - Thừa Thiên Huế	7	Khá	7.5	5.4	7.9	7.0	Khá	C12CB1
16	Nguyễn Văn	Mỹ	Nam	13/05/2001	Phong Điền - Thừa Thiên Huế	7.4	Khá	6.1	7.9	8.1	7.7	Khá	C12CB1
17	Hồ Thị Thu	Ngân	Nữ	12/09/2001	Huế - Thừa Thiên Huế	7.6	Khá	8.4	7.2	8.1	7.7	Khá	C12CB1
18	Trần Văn	Nhất	Nam	17/05/2000	Quảng Ninh - Quảng Bình	7.3	Khá	6.5	6.5	8.3	7.5	Khá	C12CB1
19	Huỳnh Thế	Quang	Nam	05/01/1998	Huế - Thừa Thiên Huế	7.8	Khá	5.8	5.5	8	7.5	Khá	C12CB1
20	Trần Mạnh	Quỳnh	Nam	17/12/2001	Hải Lăng - Quảng Trị	7.3	Khá	6.8	5.8	8.1	7.3	Khá	C12CB1
21	Hồ Đình	Sơn	Nam	02/10/1997	Hương Thủy - Thừa Thiên Huế	7.3	Khá	6	5.3	8.2	7.3	Khá	C12CB1
22	Nguyễn Nhật	Tân	Nam	21/10/2001	Huế - Thừa Thiên Huế	7.4	Khá	5.8	7.5	7.4	7.4	Khá	C12CB1
23	Nguyễn Thị Hồng	Thảo	Nữ	25/04/2001	Huế - Thừa Thiên Huế	8.1	Tốt	8.4	7.3	8.2	8.0	Giỏi	C12CB1
24	Đoàn Đại	Thuần	Nam	28/07/1999	Phú Vang - Thừa Thiên Huế	7.8	Khá	7	6.6	8.4	7.8	Khá	C12CB1
25	Cao Thị Giáng	Tiên	Nữ	06/09/2001	Phong Điền - Thừa Thiên Huế	7.4	Khá	7.4	7.8	8	7.7	Khá	C12CB1
26	Hồ Quang	Trường	Nam	09/07/2001	Quảng Điền - Thừa Thiên Huế	7.2	Khá	6.6	6.6	8.1	7.4	Khá	C12CB1
27	Nguyễn Văn Tuấn	Vũ	Nam	16/10/2000	Quảng Điền - Thừa Thiên Huế	7.7	Khá	6.1	6.3	8	7.6	Khá	C12CB1
28	Đặng Thị Phương	Yến	Nữ	01/01/2001	Huế - Thừa Thiên Huế	7.1	Khá	7	5.5	8	7.1	Khá	C12CB1
29	Hồ Thị Kim	Anh	Nữ	26/04/2001	Huế - Thừa Thiên Huế	8.3	Tốt	10	9	8.3	8.4	Giỏi	C12CB2
30	Nguyễn Thị Thanh	Chi	Nữ	01/05/2001	Phú Vang - Thừa Thiên Huế	8.2	Tốt	9.4	7.1	8.5	8.1	Khá	C12CB2

Stt	Họ và tên		GT	Ngày sinh	Nơi sinh	TBC TK	XLRL TK	Môn thi tốt nghiệp			Kết quả tốt nghiệp		Ghi chú
								Ctrị.TN	LTTH	THNV	TBXL TN	XHTN	
31	Nguyễn Quốc	Cường	Nam	08/01/2001	Quảng Trạch - Quảng Bình	7.9	Tốt	6.3	6.4	8.1	7.7	Khá	C12CB2
32	Hồ Đức	Dương	Nam	01/04/2001	An Nhơn - Bình Định	7.8	Tốt	8.1	5.9	8.1	7.6	Khá	C12CB2
33	Nguyễn Quang	Duy	Nam	04/07/2001	Huế - Thừa Thiên Huế	7.3	Khá	7.4	6.3	7.9	7.3	Khá	C12CB2
34	Nguyễn Thị Thu	Hải	Nữ	14/08/2001	Lệ Thủy - Quảng Bình	7.7	Tốt	8.4	8.3	8.3	8.0	Khá	C12CB2
35	Nguyễn Công	Hiển	Nam	27/02/2001	Gò Vấp -Thành phố Hồ Chí Minh	7.5	Tốt	6.7	7.3	8	7.6	Khá	C12CB2
36	Trần Văn	Hoà	Nam	17/05/2000	Quảng Điền - Thừa Thiên Huế	7.6	Tốt	8.2	7	8.5	7.8	Khá	C12CB2
37	Lê Bá	Huy	Nam	12/05/2001	Huế - Thừa Thiên Huế	7.7	Khá	7.8	7.8	8.5	8.0	Giỏi	C12CB2
38	Lê Thị Hồng	Lan	Nữ	18/12/2001	Hương Trà - Thừa Thiên Huế	7.8	Tốt	9.4	7.5	8.3	7.9	Khá	C12CB2
39	Võ Hồng	Minh	Nam	12/12/2001	Vĩnh Linh - Quảng Trị	7.4	Tốt	7.4	5	8.1	7.2	Khá	C12CB2
40	Lê Thị Hoài	Ngọc	Nữ	12/11/2001	A Lưới - Thừa Thiên Huế	7.7	Tốt	8.8	7.7	8.2	7.9	Khá	C12CB2
41	Phan Trọng	Phong	Nam	13/05/2001	Hương Trà - Thừa Thiên Huế	7.2	Khá	6.8	6.5	8.1	7.4	Khá	C12CB2
42	Phan Hoàng	Phúc	Nam	28/10/2001	Bố Trạch - Quảng Bình	7.4	Tốt	6	6	8.2	7.4	Khá	C12CB2
43	Nguyễn Văn	Phước	Nam	20/10/2000	Huế - Thừa Thiên Huế	7.3	Khá	6.2	5.8	8.3	7.4	Khá	C12CB2
44	Nguyễn Thị Hồng	Phượng	Nữ	01/01/2001	Quảng Điền - Thừa Thiên Huế	7.8	Tốt	9.6	7.3	8.2	7.8	Khá	C12CB2
45	Nguyễn Tâm	Quý	Nam	11/01/2001	Hương Trà - Thừa Thiên Huế	7.5	Tốt	9.5	6.1	8	7.4	Khá	C12CB2
46	Nguyễn Thị Hương	Quỳnh	Nữ	12/08/2001	Quảng Điền - Thừa Thiên Huế	7.7	Xuất sắc	8.4	7	8.4	7.8	Khá	C12CB2
47	Lê Bá Giô	Suê	Nam	24/12/2001	Phong Điền - Thừa Thiên Huế	7.6	Khá	6.6	7	8.2	7.7	Khá	C12CB2
48	Đặng Khắc Hoàng	Tân	Nam	17/06/2001	Phú Vang - Thừa Thiên Huế	7.9	Tốt	8.8	8.9	8.5	8.3	Giỏi	C12CB2
49	Cao Thị Xuân	Thảo	Nữ	15/02/2001	Hương Trà - Thừa Thiên Huế	7.7	Tốt	8.9	6.6	8.3	7.7	Khá	C12CB2
50	Lê Quang	Thất	Nam	01/07/1997	Phú Vang - Thừa Thiên Huế	7.7	Tốt	9.4	7.1	8.2	7.8	Khá	C12CB2
51	Trần Thị	Tiên	Nữ	01/01/1999	Vĩnh Linh - Quảng Trị	8	Tốt	9.1	8.3	8.3	8.2	Giỏi	C12CB2
52	Nguyễn	Tiến	Nam	19/10/2001	Hương Thủy - Thừa Thiên Huế	7.3	Khá	6.1	5.1	8.1	7.2	Khá	C12CB2
53	Trần Xuân	Trực	Nam	17/05/2001	Hương Trà - Thừa Thiên Huế	8.3	Tốt	9.2	7.6	8.3	8.2	Giỏi	C12CB2
54	Trần Phương	Uyên	Nữ	11/10/2000	Hương Trà - Thừa Thiên Huế	7.5	Tốt	8.6	6.9	8.2	7.6	Khá	C12CB2
55	Nguyễn	Vũ	Nam	02/10/2001	Huế - Thừa Thiên Huế	7.7	Tốt	9.4	6	8.2	7.6	Khá	C12CB2
56	Phan Văn	Chiến	Nam	18/10/2001	Hải Lăng - Quảng Trị	7.5	Tốt	8.5	6.3	8	7.5	Khá	C12CB3
57	Nguyễn Ngọc	Cường	Nam	23/10/2001	Huế - Thừa Thiên Huế	7.6	Tốt	9.4	5.4	8	7.4	Khá	C12CB3
58	Ngô Thị Ánh	Dương	Nữ	22/08/2001	Hương Thủy - Thừa Thiên Huế	7.9	Tốt	9.7	6.1	8.2	7.7	Khá	C12CB3
59	Trần Thị Mỷ	Duyên	Nữ	21/01/2001	Phong Điền - Thừa Thiên Huế	7.7	Tốt	8.4	6.4	8.1	7.6	Khá	C12CB3
60	Bùi Quang Trung	Hiếu	Nam	05/08/2001	Huế - Thừa Thiên Huế	7.3	Khá	9.4	5.9	7.9	7.3	Khá	C12CB3
61	Nguyễn Sĩ	Hùng	Nam	24/01/2001	Hương Trà - Thừa Thiên Huế	8.2	Tốt	9.4	7.2	8	8.0	Giỏi	C12CB3
62	Nguyễn Thị Thuý	Huyền	Nữ	12/02/2001	Huế - Thừa Thiên Huế	7.3	Tốt	7.8	7.5	8	7.6	Khá	C12CB3
63	Nguyễn Bảo	Lâm	Nam	10/06/2001	Huế - Thừa Thiên Huế	8.2	Tốt	9.5	7.9	7.9	8.0	Giỏi	C12CB3
64	Phạm	Long	Nam	23/06/2001	Phú Vang - Thừa Thiên Huế	7.4	Tốt	7.5	7.6	7.9	7.6	Khá	C12CB3
65	Phan Thanh	Long	Nam	25/5/1999	Hương Trà - Thừa Thiên Huế	7.2	Khá	7.5	6.6	8.1	7.4	Khá	C12CB3

Stt	Họ và tên		GT	Ngày sinh	Nơi sinh	TBC TK	XLRL TK	Môn thi tốt nghiệp			Kết quả tốt nghiệp		Ghi chú
								Ctrị.TN	LTTH	THNV	TBXL TN	XHTN	
66	Dương Bình	Minh	Nữ	30/11/2001	Hiệp Đức - Quảng Nam	7.7	Tốt	7.1	7	8	7.7	Khá	C12CB3
67	Dương Thị Họa	My	Nữ	16/10/2001	Hương Trà - Thừa Thiên Huế	7.5	Tốt	7.7	6.5	8	7.5	Khá	C12CB3
68	Võ Văn	Nam	Nam	01/09/2001	Hương Trà - Thừa Thiên Huế	6.9	Khá	6	6.7	7.5	7.1	Khá	C12CB3
69	Trần Thị	Ngọc	Nữ	22/03/2001	Đông Hà - Quảng Trị	7.5	Tốt	9.2	7.3	8	7.6	Khá	C12CB3
70	Phan Thị Minh	Nguyệt	Nữ	20/08/2001	Phú Vang - Thừa Thiên Huế	8.2	Tốt	9.1	8.8	8.1	8.3	Giỏi	C12CB3
71	Trần Thị Hoài	Nhi	Nữ	29/12/2000	Huế - Thừa Thiên Huế	7.3	Tốt	8.3	5.7	7.8	7.2	Khá	C12CB3
72	Trần Thị	Nhỏ	Nữ	31/10/2001	Phú Vang - Thừa Thiên Huế	7.7	Tốt	7.5	6.3	8	7.6	Khá	C12CB3
73	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	Nữ	14/12/2000	Phú Vang - Thừa Thiên Huế	7.6	Tốt	7.9	6.4	8	7.5	Khá	C12CB3
74	Trương Văn	Phú	Nam	15/02/2001	Phú Vang - Thừa Thiên Huế	7.1	Khá	7.3	5.9	8	7.2	Khá	C12CB3
75	Lương Phan Minh	Quân	Nam	01/01/2001	Hương Thủy - Thừa Thiên Huế	7.3	Khá	8	5.7	7.6	7.1	Khá	C12CB3
76	Nguyễn Ngọc Diệu	Quyên	Nữ	24/05/2001	Huế - Thừa Thiên Huế	8.1	Tốt	9.7	7.6	8.1	8.0	Giỏi	C12CB3
77	Châu Thị Như	Quỳnh	Nữ	10/02/2001	Huế - Thừa Thiên Huế	7.7	Tốt	7.5	7.1	8.4	7.8	Khá	C12CB3
78	Nguyễn Văn Thành	Tâm	Nam	20/07/2001	Huế - Thừa Thiên Huế	7.4	Tốt	7.7	5.4	7.9	7.2	Khá	C12CB3
79	Nguyễn Văn Hiếu	Thắng	Nam	04/12/2001	Hương Trà - Thừa Thiên Huế	7.5	Tốt	6.8	7	8	7.6	Khá	C12CB3
80	Nguyễn Đắc	Thông	Nam	16/09/2001	Hương Trà - Thừa Thiên Huế	8	Tốt	8.3	8	7.9	8.0	Giỏi	C12CB3
81	Đặng Thị	Tình	Nữ	20/10/2001	Quảng Điền - Thừa Thiên Huế	7.4	Tốt	7.8	7.9	7.9	7.6	Khá	C12CB3
82	Nguyễn Văn	Việt	Nam	26/06/2001	Phú Vang - Thừa Thiên Huế	7.4	Khá	7.2	7	8.1	7.6	Khá	C12CB3
83	Nguyễn Hoàng	Việt	Nam	12/04/2001	Quảng Điền - Thừa Thiên Huế	7.4	Tốt	8.8	7.8	8	7.7	Khá	C12CB3
84	Hoàng Thị	Bé	Nữ	13/08/2001	Quảng Điền - Thừa Thiên Huế	7.8	Khá	9.2	8.8	8.2	8.1	Giỏi	C12KS1
85	Nguyễn Thị	Đào	Nữ	30/10/1999	Quảng Điền - Thừa Thiên Huế	8.2	Tốt	9	8.4	8.5	8.3	Giỏi	C12KS1
86	Lê Thị Quỳnh	Diệp	Nữ	30/07/2001	Huế - Thừa Thiên Huế	7.6	Khá	8.1	7.3	8.4	7.8	Khá	C12KS1
87	Phan Thị Thùy	Dương	Nữ	21/07/2001	Hương Trà - Thừa Thiên Huế	7.7	Khá	9.1	8.4	8.4	8.1	Giỏi	C12KS1
88	Nguyễn Thị Hà	Giang	Nữ	30/12/2001	Phú Vang - Thừa Thiên Huế	7.5	Khá	8.6	6.7	8.6	7.7	Khá	C12KS1
89	Hoàng Hồng	Hà	Nữ	18/12/2001	Quận 1 -Thành phố Hồ Chí Minh	7.2	Khá	7.2	6.6	8.4	7.5	Khá	C12KS1
90	Nguyễn Ngọc	Hằng	Nữ	01/09/2001	Xanh Petecbua - Liên Bang Nga	7.6	Khá	6.2	7.1	8.5	7.8	Khá	C12KS1
91	Lê Thị Gia	Hạnh	Nữ	13/03/2001	Quảng Điền - Thừa Thiên Huế	7	Khá	9.3	6.5	8.5	7.4	Khá	C12KS1
92	Hoàng Thị Xuân	Hiền	Nữ	13/08/2001	Tân Bình-Thành phố Hồ Chí Minh	7.5	Khá	9	7.4	8.1	7.7	Khá	C12KS1
93	Phan Thị	Hiệp	Nữ	25/11/2001	Quảng Điền - Thừa Thiên Huế	7.6	Khá	9.5	7.9	8.1	7.8	Khá	C12KS1
94	Lê Nguyễn Bách	Hợp	Nữ	28/01/2001	Huế - Thừa Thiên Huế	7.7	Khá	8.8	7.8	8.3	7.9	Khá	C12KS1
95	Lê Thị	Huế	Nữ	10/01/2001	Phong Điền - Thừa Thiên Huế	7.2	Khá	6.5	8.3	7.9	7.6	Khá	C12KS1
96	Nguyễn Thị	Huệ	Nữ	20/10/2001	Quảng Điền - Thừa Thiên Huế	7.3	Khá	7.4	7.8	8.1	7.7	Khá	C12KS1
97	Đặng Ngọc Khánh	Huyền	Nữ	27/12/2000	Huế - Thừa Thiên Huế	7.3	Khá	7.6	6.6	8	7.4	Khá	C12KS1
98	Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	26/02/2001	Hương Trà - Thừa Thiên Huế	7.3	Khá	8.8	7.9	7.8	7.6	Khá	C12KS1
99	Hồ Thị Hiếu	Kiên	Nữ	27/12/2001	Phong Điền - Thừa Thiên Huế	8.5	Tốt	10	9.4	8.8	8.8	Giỏi	C12KS1
100	Đặng Hoàng	Lan	Nữ	03/12/2001	Hương Trà - Thừa Thiên Huế	6.7	Khá	8.1	6.9	8	7.2	Khá	C12KS1

Stt	Họ và tên		GT	Ngày sinh	Nơi sinh	TBC TK	XLRL TK	Môn thi tốt nghiệp			Kết quả tốt nghiệp		Ghi chú
								Ctrị.TN	LTTH	THNV	TBXL TN	XHTN	
101	Nguyễn Thị Hồng	Linh	Nữ	28/10/2001	Phong Điền - Thừa Thiên Huế	7.8	Khá	7.5	6.4	8.8	7.9	Khá	C12KS1
102	Đỗ Văn	Lợi	Nam	10/08/1999	Phú Vang - Thừa Thiên Huế	7.1	Khá	9.2	6.7	7.8	7.3	Khá	C12KS1
103	Trần Thị	Năm	Nữ	17/06/2001	Huế - Thừa Thiên Huế	7.4	Khá	7.5	7.5	8.1	7.7	Khá	C12KS1
104	Hồ Thị Thúy	Nga	Nữ	13/02/2001	Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	7.4	Khá	7.4	6.8	7.9	7.5	Khá	C12KS1
105	Nguyễn Thị Thanh	Ngọc	Nữ	17/11/2000	Huế - Thừa Thiên Huế	7.1	Khá	5.3	6.1	7.8	7.2	Khá	C12KS1
106	Phạm Thị Kim	Ngọc	Nữ	09/12/2001	Huế - Thừa Thiên Huế	7.8	Khá	9.4	8.6	8.7	8.2	Giỏi	C12KS1
107	Đoàn Lê Bảo	Nhân	Nam	20/09/2001	Hương Trà - Thừa Thiên Huế	7.7	Khá	9.4	7.9	8.5	8.0	Giỏi	C12KS1
108	Võ Thị Phương	Thảo	Nữ	27/07/2001	Huế - Thừa Thiên Huế	7.8	Khá	10	7.9	8.7	8.1	Giỏi	C12KS1
109	Lê Thị	Tỏa	Nữ	26/04/2001	Phong Điền - Thừa Thiên Huế	7.5	Khá	8.1	8.8	8.2	8.0	Giỏi	C12KS1
110	Lê Thị Kiều	Uyên	Nữ	05/12/2001	Hướng Hóa - Quảng Trị	7.4	Khá	7.7	6	7.6	7.2	Khá	C12KS1
111	Nguyễn Thị Hoàng	Anh	Nữ	07/04/2001	Huế - Thừa Thiên Huế	8	Tốt	9.1	7	8.5	8.0	Giỏi	C12KS2
112	Phan Thị Trâm	Anh	Nữ	18/11/2001	Huế - Thừa Thiên Huế	7.7	Khá	9.1	6.5	8.2	7.7	Khá	C12KS2
113	Lê Văn Thế	Anh	Nam	07/01/2001	Phú Vang - Thừa Thiên Huế	7.1	Khá	8.4	5.4	8.3	7.2	Khá	C12KS2
114	Phan Đình	Bảo	Nam	11/04/2001	Quảng Nam	7.6	Khá	7	5.8	7.7	7.3	Khá	C12KS2
115	Phan Văn	Đạt	Nam	14/04/2001	Quảng Điền - Thừa Thiên Huế	7.7	Khá	6	6.9	8.4	7.8	Khá	C12KS2
116	Trương Thị	Diễm	Nữ	29/07/2001	Phong Điền - Thừa Thiên Huế	8.2	Khá	9.4	8.1	8.7	8.4	Giỏi	C12KS2
117	Lương Viết	Hải	Nam	23/08/2000	Hương Trà - Thừa Thiên Huế	6.7	Khá	6.7	7.3	7.8	7.2	Khá	C12KS2
118	Trương Thị	Hằng	Nữ	21/03/2001	Hương Thủy - Thừa Thiên Huế	7.7	Khá	9.5	7	8.6	7.9	Khá	C12KS2
119	Đoàn Thị Mỹ	Hảo	Nữ	18/08/2000	Phú Vang - Thừa Thiên Huế	8.3	Tốt	9.3	7.5	8.7	8.3	Giỏi	C12KS2
120	Nguyễn Thị	Hiền	Nữ	21/07/2001	Triệu Phong - Quảng Trị	7.4	Khá	9.1	8	8.3	7.8	Khá	C12KS2
121	Ngô Huy	Hoàng	Nam	20/12/2001	Hương Thủy - Thừa Thiên Huế	7.2	Khá	6.4	5.3	7.9	7.1	Khá	C12KS2
122	Nguyễn Anh Khương	Huân	Nam	26/12/1999	Thành phố Hồ Chí Minh	7.8	Khá	8.2	7.4	8.7	8.0	Giỏi	C12KS2
123	Phan Thị	Huệ	Nữ	01/06/2001	Quảng Điền - Thừa Thiên Huế	7.6	Khá	6.9	6.7	8.5	7.8	Khá	C12KS2
124	Phan Thị Thu	Huyền	Nữ	23/12/2001	Hương Trà - Thừa Thiên Huế	7.1	Khá	9.7	8.5	8.3	7.7	Khá	C12KS2
125	Đào Thị Ngọc	Huyền	Nữ	07/03/2000	Quảng Điền - Thừa Thiên Huế	7.8	Khá	7.7	7.2	8.7	8.0	Khá	C12KS2
126	Huỳnh Thị Ngọc	Lan	Nữ	20/08/2001	Huế - Thừa Thiên Huế	7.9	Khá	9.5	7.7	8.5	8.1	Giỏi	C12KS2
127	Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	10/03/2001	Phú Vang - Thừa Thiên Huế	8.5	Tốt	9.8	8.7	8.8	8.6	Giỏi	C12KS2
128	Trần Ngọc	Minh	Nam	27/07/2001	Huế, Thừa Thiên Huế	7.3	Khá	7.1	7.3	7.5	7.4	Khá	C12KS2
129	Nguyễn Thị Kiều	My	Nữ	13/10/2001	Huế - Thừa Thiên Huế	8	Tốt	9.2	8	8.1	8.0	Khá	C12KS2
130	Cái Thị Trà	My	Nữ	02/01/2001	Phú Lộc, Thừa Thiên Huế	8	Tốt	7.4	8	8.6	8.2	Giỏi	C12KS2
131	Nguyễn Thị Tố	Nga	Nữ	25/06/2001	Phú Vang, Thừa Thiên Huế	7.5	Khá	7.1	8.2	8.5	8.0	Khá	C12KS2
132	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	Nữ	25/12/2000	Hương Thủy - Thừa Thiên Huế	8	Khá	9.5	8.3	8.5	8.2	Giỏi	C12KS2
133	Nguyễn Thị Như	Ngọc	Nữ	09/04/2001	Phú Vang, Thừa Thiên Huế	7.9	Khá	7.5	6.5	8.4	7.8	Khá	C12KS2
134	Nguyễn Thái	Nguyên	Nam	11/08/2001	Huế - Thừa Thiên Huế	7.9	Khá	9.4	6.7	8.1	7.8	Khá	C12KS2
135	Lương Trần Vĩnh	Nguyên	Nam	8/8/1998	Huế, Thừa Thiên Huế	7.8	Khá	7.9	7.3	8.3	7.9	Khá	C12KS2
136	Lê Thị	Nhàn	Nữ	18/12/1999	Huế - Thừa Thiên Huế	7.3	Tốt	5.7	6.6	8.4	7.6	Khá	C12KS2
137	Nguyễn Thị Phương	Nhi	Nữ	05/02/2001	Hương Trà, Thừa Thiên Huế	7.5	Khá	8.5	5.2	8	7.3	Khá	C12KS2

Stt	Họ và tên		GT	Ngày sinh	Nơi sinh	TBC TK	XLRL TK	Môn thi tốt nghiệp			Kết quả tốt nghiệp		Ghi chú
								Ctrị.TN	LTTH	THNV	TBXL TN	XHTN	
138	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	25/03/2001	Triệu Phong - Quảng Trị	7.8	Tốt	9.5	7.4	8.5	8.0	Giỏi	C12KS2
139	Nguyễn Quốc Cát	Tường	Nữ	07/10/1999	Huế, Thừa Thiên Huế	7.5	Khá	7	7.5	7.9	7.6	Khá	C12KS2
140	Phạm Lê Hữu	Cường	Nam	09/05/1999	Huế - Thừa Thiên Huế	7.7	Tốt	7.8	7.8	8.1	7.9	Khá	C12KS3
141	Trần Thị	Hà	Nữ	15/10/2001	Đô Lương - Nghệ An	7.2	Khá	6.4	5.6	8	7.2	Khá	C12KS3
142	Trương Thị	Khanh	Nữ	13/01/2001	Huế - Thừa Thiên Huế	7.8	Tốt	9.5	7.5	8.4	8.0	Giỏi	C12KS3
143	Hoàng Thị	Lan	Nữ	24/09/2001	Phong Điền - Thừa Thiên Huế	7.4	Tốt	7.5	5.8	8.4	7.5	Khá	C12KS3
144	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	Nữ	17/10/2001	Phú Vang - Thừa Thiên Huế	7.2	Tốt	6.9	6.5	7.5	7.2	Khá	C12KS3
145	Nguyễn Văn	Mãn	Nam	15/12/2001	Hương Thủy - Thừa Thiên Huế	7.6	Khá	9.7	7	8.3	7.7	Khá	C12KS3
146	Đinh Thị Thanh	Nhàn	Nữ	23/05/2001	Huế - Thừa Thiên Huế	7.2	Tốt	8.7	7.4	8.1	7.5	Khá	C12KS3
147	Ngô Ý	Nhi	Nữ	17/02/2001	Huế - Thừa Thiên Huế	7.2	Tốt	6.6	5.6	8	7.2	Khá	C12KS3
148	Trà Thị Mỹ	Nhi	Nữ	02/04/2001	Phong Điền - Thừa Thiên Huế	8.3	Tốt	9.5	8.3	8.7	8.4	Giỏi	C12KS3
149	Nguyễn Lương Tuyết	Nhi	Nữ	15/09/2000	Huế - Thừa Thiên Huế	7.3	Khá	7.6	5.2	8.5	7.4	Khá	C12KS3
150	Thái Minh	Phương	Nữ	23/02/2001	Huế - Thừa Thiên Huế	8.1	Tốt	9.4	8.7	8.8	8.4	Giỏi	C12KS3
151	Nguyễn Thị Thu	Phương	Nữ	30/05/2001	Lệ Thủy - Quảng Bình	7.4	Tốt	7.5	7.1	7.8	7.5	Khá	C12KS3
152	Võ Thị	Phương	Nữ	18/03/2001	Huế - Thừa Thiên Huế	7.4	Tốt	7.7	7.2	7.8	7.5	Khá	C12KS3
153	Lê Thị Thu	Phương	Nữ	21/10/2001	Hải Lăng - Quảng Trị	6.9	Khá	6.2	5.8	7.6	7.0	Khá	C12KS3
154	Võ Ký Phước	Sinh	Nam	05/02/2001	Huế - Thừa Thiên Huế	7	Khá	8.1	5.5	8.5	7.3	Khá	C12KS3
155	Trần Ngọc	Sung	Nam	07/03/1999	Huế - Thừa Thiên Huế	8.8	Tốt	9.5	7.8	9.4	8.8	Giỏi	C12KS3
156	Phan Thị Thu	Sương	Nữ	29/02/2000	Huế - Thừa Thiên Huế	7.3	Tốt	6.8	7.4	8.9	7.9	Khá	C12KS3
157	Hoàng Trọng Nhất	Tâm	Nam	16/05/1999	Huế - Thừa Thiên Huế	8.2	Tốt	9.5	7.6	9	8.4	Giỏi	C12KS3
158	Trần	Tân	Nam	24/06/2000	Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	8	Tốt	9.8	7.9	8.9	8.3	Khá	C12KS3
159	Lê Thị Thanh	Thanh	Nữ	04/05/2001	Huế - thành phố Huế	7.6	Tốt	9.2	7.2	8.5	7.8	Khá	C12KS3
160	Bùi Nguyễn Diệu	Thanh	Nữ	14/09/2001	Phú Vang - Thừa Thiên Huế	7.4	Khá	8.4	5.5	8.1	7.3	Khá	C12KS3
161	Phạm Thị Hoài	Thảo	Nữ	17/09/2001	Phú Vang - Thừa Thiên Huế	7.5	Tốt	7.2	6.8	7.6	7.4	Khá	C12KS3
162	Lê Phan Ngọc	Thiện	Nam	24/07/2001	Huế - Thừa Thiên Huế	8.1	Tốt	7.3	6.1	8.4	7.9	Khá	C12KS3
163	Trương Đình	Thọ	Nam	01/06/2001	Phong Điền - Thừa Thiên Huế	8	Tốt	7.3	7.9	8.6	8.2	Giỏi	C12KS3
164	Võ Thị Minh	Thư	Nữ	15/05/1999	Huế - Thừa Thiên Huế	8.1	Tốt	9.8	8.9	8.1	8.2	Khá	C12KS3
165	Trần Văn Minh	Thuần	Nam	05/01/1999	Huế - Thừa Thiên Huế	7.7	Tốt	8.7	6.7	7.7	7.5	Khá	C12KS3
166	Mai Thị Thu	Thúy	Nữ	27/05/2001	Phú Vang - Thừa Thiên Huế	7.5	Tốt	9.4	7.4	7.7	7.6	Khá	C12KS3
167	Lê Văn	Tín	Nam	26/06/1999	Huế - Thừa Thiên Huế	7.8	Tốt	5.5	8.6	8.1	8.0	Khá	C12KS3
168	Nguyễn Thị Thùy	Trang	Nữ	17/07/2001	Huế - Thừa Thiên Huế	7.4	Tốt	9.5	7.2	8.4	7.7	Khá	C12KS3
169	Nguyễn Bá	Vũ	Nam	07/09/1998	Huế - Thừa Thiên Huế	8.2	Tốt	9.5	6.9	8.5	8.1	Giỏi	C12KS3
170	Lưu Thị Bảo	Ánh	Nữ	18/11/2001	Hương Thủy, Thừa Thiên Huế	7.4	Tốt	6.7	6.2	8.5	7.6	Khá	C12KS4
171	Nguyễn Thị Kim	Cúc	Nữ	19/06/2001	Lệ Thủy, Quảng Bình	7.3	Tốt	8.3	7.2	7.9	7.5	Khá	C12KS4
172	Trần Văn	Hùng	Nam	01/05/2001	Hương Trà, Thừa Thiên Huế	7	Tốt	6.2	6.2	7.8	7.1	Khá	C12KS4
173	Hồ Thanh	Nhã	Nữ	25/07/2000	Huế, Thừa Thiên Huế	8.1	Tốt	7.3	6.8	8.1	7.9	Khá	C12KS4
174	Phan Thị Thanh	Nhi	Nữ	23/12/2001	Hương Trà, Thừa Thiên Huế	7.2	Khá	8.6	6.6	7.8	7.3	Khá	C12KS4

Stt	Họ và tên		GT	Ngày sinh	Nơi sinh	TBC TK	XLRL TK	Môn thi tốt nghiệp			Kết quả tốt nghiệp		Ghi chú
								Ctrị.TN	LTTH	THNV	TBXL TN	XHTN	
175	Huỳnh Tất	Thành	Nam	16/01/2001	Phú Vang, Thừa Thiên Huế	7.4	Tốt	6.6	7.3	8.3	7.7	Khá	C12KS4
176	Lê Thị Ngọc	Trâm	Nữ	08/05/2001	Hương Trà, Thừa Thiên Huế	7.7	Tốt	8	8	8.3	8.0	Khá	C12KS4
177	Trần Thị Phương	Trâm	Nữ	5/6/2001	Huế, Thừa Thiên Huế	7.8	Tốt	9.2	7.9	8.2	8.0	Giỏi	C12KS4
178	Nguyễn Kiều Ngọc	Trang	Nữ	09/01/2001	Huế, Thừa Thiên Huế	7.5	Tốt	7.5	7.6	8.2	7.8	Khá	C12KS4
179	Võ Thị Thùy	Trang	Nữ	19/10/2001	Quảng Điền, Thừa Thiên Huế	7.9	Tốt	8	8.2	8.2	8.1	Giỏi	C12KS4
180	Nguyễn Thị	Tuyết	Nữ	06/07/2001	Phong Điền, Thừa Thiên Huế	7.7	Tốt	9.4	8.1	8.8	8.1	Khá	C12KS4
181	Trần Thị	Út	Nữ	06/05/2001	Huế, Thừa Thiên Huế	8	Xuất sắc	8.9	8	8.9	8.3	Khá	C12KS4
182	Lê Thị Thu	Uyên	Nữ	20/08/2001	Phú Lộc, Thừa Thiên Huế	7.2	Tốt	7.7	6.7	7.8	7.3	Khá	C12KS4
183	Lê Thị Cẩm	Vân	Nữ	05/07/2001	Hương Trà, Thừa Thiên Huế	7.5	Tốt	9.1	7.1	8.4	7.7	Khá	C12KS4
184	Hoàng Thị Thảo	Vân	Nữ	02/04/2001	A Lưới, Thừa Thiên Huế	8	Tốt	9.5	8.6	8.6	8.3	Giỏi	C12KS4
185	Nguyễn Tuấn	Vũ	Nam	09/08/2001	Hồng Lĩnh, thành phố Hà Tĩnh	7.6	Tốt	6.6	6.6	8.2	7.6	Khá	C12KS4
186	Cao Thị Như	Ý	Nữ	27/08/2001	Hương Trà, Thừa Thiên Huế	8.1	Tốt	8.3	7.6	8.6	8.2	Giỏi	C12KS4
187	Hà Thị Như	Ý	Nữ	01/10/2001	Phong Điền, Thừa Thiên Huế	7.5	Tốt	7.3	7	8.1	7.6	Khá	C12KS4
188	Tôn Nữ Thị Ngọc	Anh	Nữ	08/09/1998	Huế - Thừa Thiên Huế	7.7	Xuất sắc	6.6	7.1	8.1	7.7	Khá	C12KS5
189	Lê Khắc Mỹ	Linh	Nữ	28/08/2001	Huế - Thừa Thiên Huế	7.4	Khá	6.4	6.1	8.4	7.5	Khá	C12KS5
190	Nguyễn Thị	Nga	Nữ	04/05/2001	Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	7.6	Tốt	6.6	7.5	8.1	7.8	Khá	C12KS5
191	Nguyễn Thị Kim	Ngân	Nữ	23/10/2001	Phú Vang - Thừa Thiên Huế	6.7	Khá	5.3	6.5	7.4	6.9	Trung bình khá	C12KS5
192	Hà Thị Thảo	Nhi	Nữ	20/06/2001	Huế - Thừa Thiên Huế	7.9	Tốt	6.5	8.1	8.6	8.2	Giỏi	C12KS5
193	Hồ Thị Yến	Nhi	Nữ	11/09/2001	Phú Vang - Thừa Thiên Huế	7.4	Tốt	8.4	5.8	8.4	7.5	Khá	C12KS5
194	Mai Thị Xuân	Nhi	Nữ	28/02/2001	Huế - Thừa Thiên Huế	7	Khá	5.8	5.8	8.2	7.2	Khá	C12KS5
195	Lê Thị Ánh	Nhung	Nữ	10/06/2001	Huế - Thừa Thiên Huế	6.8	Khá	7.1	6.6	8.1	7.2	Khá	C12KS5
196	Lê Thị Hồng	Nhung	Nữ	28/11/2001	Huế - Thừa Thiên Huế	7.5	Khá	7.4	6.4	8.4	7.6	Khá	C12KS5
197	Lê Thị Mỹ	Nơ	Nữ	30/09/2001	Huế - Thừa Thiên Huế	7.1	Khá	8.3	7	7.9	7.4	Khá	C12KS5
198	Lý Nguyễn Quỳnh	Phương	Nữ	03/03/2001	Huế - Thừa Thiên Huế	6.8	Khá	5.6	7.3	7.9	7.3	Khá	C12KS5
199	Phan Thị Minh	Thư	Nữ	12/05/2001	Phú Vang - Thừa Thiên Huế	7.4	Khá	8	8.1	8.8	8.0	Giỏi	C12KS5
200	Chế Thị Ngọc	Trâm	Nữ	06/05/2001	Tư Nghĩa - Quảng Ngãi	7.7	Khá	9.5	7.8	8.4	8.0	Khá	C12KS5
201	Nguyễn Thị Thùy	Trang	Nữ	01/04/2001	Quảng Điền - Thừa Thiên Huế	7.7	Tốt	8.9	8	9	8.2	Giỏi	C12KS5
202	Tôn Nữ Thùy	Trang	Nữ	03/06/1998	Huế - Thừa Thiên Huế	7.8	Tốt	8.2	6.3	8.8	7.9	Khá	C12KS5
203	Hoàng Thị Cẩm	Vân	Nữ	10/02/2001	Phong Điền - Thừa Thiên Huế	8.2	Xuất sắc	9.4	8.2	8.5	8.3	Giỏi	C12KS5
204	Trương Văn	Việt	Nam	16/03/1999	Huế - Thừa Thiên Huế	7.1	Khá	6	5.9	7.9	7.2	Khá	C12KS5
205	Đỗ Duy	Anh	Nam	21/10/2001	Huế - Thừa Thiên Huế	7.4	Tốt	6	7.1	7.7	7.5	Khá	C12NH
206	Nguyễn Thị Trà	Giang	Nữ	05/06/2001	Huế - Thừa Thiên Huế	8	Tốt	8.5	6.6	8.7	8.0	Giỏi	C12NH

Stt	Họ và tên		GT	Ngày sinh	Nơi sinh	TBC TK	XLRL TK	Môn thi tốt nghiệp			Kết quả tốt nghiệp		Ghi chú
								Ctrị.TN	LTTH	THNV	TBXL TN	XHTN	
244	Văn Thị Tâm	Tư	Nữ	20/10/2001	Quảng Điền - Thừa Thiên Huế	7.6	Tốt	8.6	8.8	8.9	8.2	Giỏi	C12RS1
245	Hồ Thị	Túy	Nữ	22/08/2001	Quảng Điền - Thừa Thiên Huế	7.4	Khá	7.3	6.3	8.6	7.6	Khá	C12RS1
246	Hồ Ngọc Thảo	Vy	Nữ	15/12/2001	Huế - Thừa Thiên Huế	7.8	Tốt	7.3	6.7	8.8	8.0	Giỏi	C12RS1
247	Đặng Thị	Xuyến	Nữ	10/01/2001	Huế - Thừa Thiên Huế	8.2	Tốt	8.7	8.7	8.8	8.5	Giỏi	C12RS1
248	Thân Thị Thùy	Trang	Nữ	10/5/2000	Huế - Thừa Thiên Huế	7.9	Tốt	7.5	7.8	8.6	8.1	Giỏi	C12LH1
249	Ngô Thị Lan	Anh	Nữ	21/12/2000	Huế - Thừa Thiên Huế	7.2	Khá	6.6	5.4	6.4	6.6	Trung bình khá	C12LH1
250	Nguyễn Thị Quỳnh	Giang	Nữ	06/09/2000	Phong Điền - Thừa Thiên Huế	7	Khá	9.4	8.4	7.7	7.5	Khá	C12LH1
251	Phạm Văn	Hoàng	Nam	01/04/1999	Quảng Trạch, Quảng Bình	7.2	Tốt	7.1	7.3	8.6	7.7	Khá	C12LH1
252	Trần Viết Thái	Huy	Nữ	21/12/2001	Huế - Thừa Thiên Huế	8	Tốt	7.7	8.6	8.6	8.3	Giỏi	C12LH1
253	Lê Minh	Huy	Nam	18/11/1999	Huế - Thừa Thiên Huế	7	Khá	6.1	8.8	8.2	7.7	Khá	C12LH1
254	Phạm Nguyên	Khôi	Nam	06/02/2001	Huế, Thừa Thiên Huế	7.1	Khá	6.6	7.6	7.9	7.5	Khá	C12LH1
255	Huỳnh Trương Khánh	Linh	Nữ	22/05/1999	Huế - Thừa Thiên Huế	7.6	Tốt	6.6	8	8.6	8.0	Giỏi	C12LH1
256	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	Nữ	07/06/2001	Huế - Thừa Thiên Huế	6.8	Khá	5	5.4	7.3	6.7	Trung bình khá	C12LH1
257	Tôn Nữ Ngọc	Nhi	Nữ	21/11/2001	Huế - Thừa Thiên Huế	7.1	Tốt	8.4	8.4	7.6	7.5	Khá	C12LH1
258	Trần Nhật Quỳnh	Như	Nữ	26/08/2001	Huế - Thừa Thiên Huế	7	Khá	7	7.7	7.9	7.4	Khá	C12LH1
259	Trần Thị By	Ny	Nữ	08/01/2000	Phong Điền, Thừa Thiên Huế	7.4	Khá	9.1	8.1	8.2	7.8	Khá	C12LH1
260	Nguyễn Đôn	Quang	Nam	30/05/2001	Huế, Thừa Thiên Huế	7.2	Tốt	7.9	7.1	7.6	7.3	Khá	C12LH1
261	Hồ Thị Như	Quỳnh	Nữ	06/03/2001	Huế - Thừa Thiên Huế	7.5	Tốt	7.6	7.8	7.5	7.6	Khá	C12LH1
262	Lê Đức	Tài	Nam	13/7/2000	Huế, Thừa Thiên Huế	6.9	Khá	8.4	7.3	7.6	7.2	Khá	C12LH1
263	Đặng Lê Uyên	Thư	Nữ	16/11/2001	Huế - Thừa Thiên Huế	7.1	Khá	6.5	6.7	7.7	7.2	Khá	C12LH1
264	Lê Thị Thanh	Thúy	Nữ	08/03/2001	Hương Thủy, Thừa Thiên Huế	7.2	Khá	7.6	8	8.8	7.9	Khá	C12LH1
265	Hoàng Thị Diệu	Trang	Nữ	13/03/2000	Phú Vang - Thừa Thiên Huế	7.8	Tốt	9.2	8.1	8.8	8.2	Khá	C12LH1
266	Lê Thị Thu	Uyên	Nữ	21/06/2001	Quảng Điền - Thừa Thiên Huế	7.4	Khá	9.5	8	9	8.0	Giỏi	C12LH1
267	Nguyễn Thị Hoài	Vân	Nữ	06/08/2001	Hương Trà, Thừa Thiên Huế	8.2	Tốt	8.6	7.8	9.7	8.6	Giỏi	C12LH1
268	Hồ Đức	Hiệp	Nam	07/07/2001	Hương Thủy - Thừa Thiên Huế	7.1	Khá	8.5	7.4	7.7	7.4	Khá	C12LH2
269	Võ Thị Quỳnh	Hương	Nữ	07/12/2001	Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	7.4	Khá	9.1	7.8	8.5	7.8	Khá	C12LH2
270	Lê Quang	Khánh	Nam	09/02/1998	Quế Sơn - Quảng Nam	7.7	Tốt	8.8	9.3	8.9	8.4	Giỏi	C12LH2
271	Nguyễn Thị Diệu	Linh	Nữ	15/07/2001	Gio Linh - Quảng Trị	7.6	Tốt	8.4	7.4	8.8	8.0	Giỏi	C12LH2
272	Nguyễn Thị Minh	Mẫn	Nữ	10/09/1999	Hương Thủy - Thừa Thiên Huế	7.3	Khá	9.7	8.7	7	7.4	Khá	C12LH2
273	Phan Thị Yến	Nhi	Nữ	05/10/2001	Hương Trà - Thừa Thiên Huế	7	Tốt	8.3	6.5	6.5	6.8	Trung bình khá	C12LH2
274	Nguyễn Thị	Ny	Nữ	03/10/2000	Huế - Thừa Thiên Huế	7	Khá	8.8	7.3	5.5	6.6	Trung bình khá	C12LH2
275	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	Nữ	17/11/2001	Huế - Thừa Thiên Huế	7.6	Khá	8.5	8.3	8	7.9	Khá	C12LH2
276	Nguyễn Viết Bảo	Châu	Nữ	09/06/2001	Huế - Thừa Thiên Huế	7.7	Tốt	7.4	7.5	8.3	7.9	Khá	C12LH2

Stt	Họ và tên		GT	Ngày sinh	Nơi sinh	TBC TK	XLRL TK	Môn thi tốt nghiệp			Kết quả tốt nghiệp		Ghi chú
								Ctrị.TN	LTTH	THNV	TBXL TN	XHTN	
207	Lê Thị Hảo	Hảo	Nữ	11/04/2001	Hương Trà - Thừa Thiên Huế	7.2	Khá	7.6	8.6	8.5	7.9	Khá	C12NH
208	Trần Thị	Hiền	Nữ	10/02/2001	Huế - Thừa Thiên Huế	7.5	Khá	8.1	6.2	8.1	7.5	Khá	C12NH
209	Nguyễn Thị Linh	Hoài	Nữ	19/12/2001	Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	7.5	Tốt	8.2	7.8	8.7	8.0	Khá	C12NH
210	Dương Anh	Khoa	Nam	29/02/2000	Hương Thủy - Thừa Thiên Huế	7.6	Tốt	8.8	8.7	8.4	8.1	Giỏi	C12NH
211	Nguyễn Tống Mỹ	Lan	Nữ	30/05/2001	Huế - Thừa Thiên Huế	8	Tốt	9.3	8.3	8.4	8.2	Giỏi	C12NH
212	Trần Thị Nhật	Minh	Nữ	13/07/2001	Huế - Thừa Thiên Huế	7.6	Tốt	8	7.1	8.4	7.8	Khá	C12NH
213	Trần Thị	Mốt	Nữ	10/10/2000	Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	7.3	Tốt	7.8	7.1	8.4	7.6	Khá	C12NH
214	Phan Lê Trà	My	Nữ	09/11/2001	Huế - Thừa Thiên Huế	7.3	Khá	7.3	6.6	8.7	7.7	Khá	C12NH
215	Nguyễn Hữu	Nghĩa	Nam	13/06/2000	Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	7.2	Khá	7.8	5.5	7.9	7.2	Khá	C12NH
216	Trần Thị Hồng	Ngọc	Nữ	29/10/2001	Quảng Điền - Thừa Thiên Huế	7.6	Tốt	7.9	5.7	8.6	7.6	Khá	C12NH
217	Đặng Thị Minh	Nguyệt	Nữ	20/04/2001	Huế - Thừa Thiên Huế	7.3	Tốt	6	6.8	8.9	7.8	Khá	C12NH
218	Nguyễn Thị Thu	Nguyệt	Nữ	20/03/1999	Lệ Thủy - Quảng Bình	8.2	Tốt	9.5	8.8	9	8.6	Giỏi	C12NH
219	Hoàng Thị Yến	Nhi	Nữ	24/07/2001	Huế - Thừa Thiên Huế	7.1	Khá	5.3	5	8.7	7.3	Khá	C12NH
220	Huỳnh Trọng	Phong	Nam	16/05/2001	Huế - Thừa Thiên Huế	7	Khá	6.6	6.1	8.3	7.3	Khá	C12NH
221	Đào Tiên	Phú	Nam	17/03/2001	Phú Vang - Thừa Thiên Huế	7	Khá	6.7	6.2	7.4	7.0	Khá	C12NH
222	Nguyễn Thị Như	Phương	Nữ	02/01/2001	Phúy Vang - Thừa Thiên Huế	7.6	Tốt	7.8	6.3	8.4	7.7	Khá	C12NH
223	Lê Phước	Quý	Nam	24/05/2001	Phú Thượng - Thừa Thiên Huế	7.4	Tốt	8	7.9	7.4	7.5	Khá	C12NH
224	Lê Thị Khánh	Quỳnh	Nữ	07/12/2000	Huế - Thừa Thiên Huế	7.3	Khá	7.2	6.4	7.9	7.4	Khá	C12NH
225	Đỗ Thị	Sút	Nữ	05/10/2001	Phú Vang - Thừa Thiên Huế	8.2	Tốt	9.5	8.6	9.1	8.6	Giỏi	C12NH
226	Trần Thị	Thêm	Nữ	24/06/2000	Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	7.7	Tốt	7.1	7.5	7.8	7.7	Khá	C12NH
227	Nguyễn Thị Thuỷ	Tiên	Nữ	06/08/2001	Huế - Thừa Thiên Huế	7.6	Tốt	6.9	7.4	8.2	7.8	Khá	C12NH
228	Hồ Đức	Tín	Nam	2/5/2001	Huế - Thừa Thiên Huế	7.1	Khá	6.8	6	8.3	7.3	Khá	C12NH
229	Lê Thị Ngọc	Diệp	Nữ	26/10/2001	Huế - Thừa Thiên Huế	7.3	Khá	8	5.5	8.1	7.3	Khá	C12RS1
230	Nguyễn Thị Ngọc	Hảo	Nữ	10/01/2001	Hương Trà - Thừa Thiên Huế	7.6	Khá	7.7	7.6	7.6	7.6	Khá	C12RS1
231	Hồ Thị	Hiền	Nữ	19/10/2001	Quảng Điền - Thừa Thiên Huế	7.5	Khá	8.9	7.7	8.6	7.9	Khá	C12RS1
232	Phạm Thị Minh	Hoà	Nữ	11/06/2001	Quy Nhơn - Bình Định	7.3	Khá	6.3	6.8	8	7.5	Khá	C12RS1
233	Lê Gia	Huy	Nam	30/11/2001	Huế - Thừa Thiên Huế	7.8	Khá	6.9	6	8.5	7.7	Khá	C12RS1
234	Phan Thị Mỹ	Liên	Nữ	24/10/2001	Huế - Thừa Thiên Huế	7.7	Khá	9.5	7.8	8	7.8	Khá	C12RS1
235	Trịnh Khánh	Ly	Nữ	21/04/2001	Phong Điền - Thừa Thiên Huế	7.1	Khá	7.7	6.7	7.8	7.3	Khá	C12RS1
236	Trần Thị Diễm	My	Nữ	08/08/2001	Phú Vang - Thừa Thiên Huế	7.8	Tốt	8.8	7.6	8.7	8.1	Khá	C12RS1
237	Lê Thị Hồng	Ngân	Nữ	08/04/1998	Krông Păk, Đăklăk	8.3	Tốt	9.1	9.1	8.6	8.5	Giỏi	C12RS1
238	Nguyễn Võ Hương	Nguyên	Nữ	17/02/2001	Huế - Thừa Thiên Huế	8.1	Tốt	8.9	8.1	7.9	8.0	Giỏi	C12RS1
239	Trần Thị Minh	Nguyện	Nữ	03/01/2001	Hương Trà - Thừa Thiên Huế	7.7	Tốt	7.9	6.5	8.6	7.8	Khá	C12RS1
240	Đỗ Thanh	Thảo	Nữ	26/06/2001	Đồng Hới - Quảng Bình	7.8	Tốt	8.2	6	8.4	7.7	Khá	C12RS1
241	Võ Hoàng Bảo	Trân	Nữ	19/12/2001	Huế - Thừa Thiên Huế	8	Tốt	7.3	8.4	8.7	8.3	Giỏi	C12RS1
242	Lê Thị Huyền	Trân	Nữ	05/01/2001	Hương Trà - Thừa Thiên Huế	7.4	Tốt	6.7	7.6	7.9	7.6	Khá	C12RS1
243	Văn Thị Kiều	Trinh	Nữ	09/10/2001	Quảng Điền - Thừa Thiên huế	7.3	Tốt	9	7.9	8	7.6	Khá	C12RS1

Stt	Họ và tên		GT	Ngày sinh	Nơi sinh	TBC TK	XLRL TK	Môn thi tốt nghiệp			Kết quả tốt nghiệp		Ghi chú
								Ctrị.TN	LTTH	THNV	TBXL TN	XHTN	
277	Phan Thị Lam	Phương	Nữ	25/05/1998	Hương Thủy - Thừa Thiên Huế	7	Khá	8	8.1	7.6	7.4	Khá	C12LH2
278	Ngô Thị Đỗ	Quyên	Nữ	30/04/2001	Hương Thủy - Thừa Thiên Huế	7.9	Tốt	9.7	9.2	9.3	8.6	Giỏi	C12LH2
279	Nguyễn Xuân	Thành	Nam	18/01/2001	Phú Vang - Thừa Thiên Huế	7.5	Tốt	7.8	7.3	9.1	8.0	Giỏi	C12LH2
280	Phạm Hoàng Minh	Thư	Nữ	06/11/2001	Huế - Thừa Thiên Huế	8.2	Tốt	9.4	9.3	9.6	8.9	Khá	C12LH2
281	Lê Thị Mỹ	Trang	Nữ	18/11/2001	Huế - Thừa Thiên Huế	7.5	Khá	8.9	8.2	8.5	8.0	Khá	C12LH2
282	Nguyễn Ngọc Mai	Anh	Nữ	07/04/2001	Huế - Thừa Thiên Huế	7.2	Khá	7.4	5.7	7	6.9	Trung bình khá	C12HD1
283	Trần Thanh	Bình	Nam	10/06/2000	Huế - Thừa Thiên Huế	7.1	Khá	7.8	5	6.9	6.7	Trung bình khá	C12HD1
284	Hồ Thị Bích	Chi	Nữ	10/04/2001	Phú Vang - Thừa Thiên Huế	7.6	Khá	7.7	7.2	8.4	7.8	Khá	C12HD1
285	Ksor H	Choen	Nữ	03/04/1995	Phú Thiện - Gia Lai	7.7	Tốt	8.8	8.3	8	7.9	Khá	C12HD1
286	Lê Thế Hải	Đăng	Nam	15/09/1996	Huế - Thừa Thiên Huế	7.5	Khá	7.5	6.3	8.5	7.6	Khá	C12HD1
287	Phạm Bá Nhật	Hào	Nam	19/11/2001	Huế - Thừa Thiên Huế	7.5	Khá	9.5	7.1	6.7	7.2	Khá	C12HD1
288	Huỳnh Thị Diệu	Hiền	Nữ	20/01/2001	Huế - Thừa Thiên Huế	6.9	Khá	8.7	5.4	6.6	6.6	Trung bình khá	C12HD1
289	Trần Văn	Hiếu	Nam	21/04/1999	Huế - Thừa Thiên Huế	7.5	Tốt	8.7	6.9	7.9	7.5	Khá	C12HD1
290	Nguyễn Quang	Huy	Nam	04/04/2001	Phú Vang - Thừa Thiên Huế	7.8	Tốt	9.2	8.5	8.9	8.3	Giỏi	C12HD1
291	Lê Thị	Huyền	Nữ	09/10/2001	Bố Trạch - Quảng Bình	7.8	Khá	8.8	8.6	7.4	7.8	Khá	C12HD1
292	Hồ Nhật	Minh	Nam	02/07/2001	Huế - Thừa Thiên Huế	7.4	Khá	7.6	7	8.3	7.6	Khá	C12HD1
293	Phạm Văn Duy	Phong	Nam	18/4/1997	Huế - Thừa Thiên Huế	7.3	Khá	7.3	6.5	8.1	7.4	Khá	C12HD1
294	Lê	Quyết	Nam	18/06/2001	Phú Vang - Thừa Thiên Huế	6.8	TB Khá	6.8	6.7	7.5	7.0	Khá	C12HD1
295	Hoàng Duy Nhật	Tân	Nam	30/04/1996	Huế - Thừa Thiên Huế	8.2	Khá	9.5	9.2	7.8	8.2	Giỏi	C12HD1
296	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	Nữ	19/12/1999	Huế - Thừa Thiên Huế	7.4	Khá	7.9	6	7.1	7.1	Khá	C12HD1
297	Lê Thị	Trang	Nữ	21/12/2001	Phú Vang - Thừa Thiên Huế	7.9	Tốt	8.8	6.9	8.9	8.1	Giỏi	C12HD1
298	Đào Thị Mỹ	Trinh	Nữ	08/03/2001	Hương Thủy - Thừa Thiên Huế	8.1	Tốt	9.4	9.2	8.3	8.4	Giỏi	C12HD1
299	Nguyễn Thị Ngọc	Trúc	Nữ	22/05/1999	Hội An - Quảng Nam	8.4	Tốt	9.5	9.6	9	8.8	Giỏi	C12HD1
300	Hồ Nguyễn Phương	Uyên	Nữ	06/10/2000	Chư Sê - Gia Lai	8.6	Tốt	9.2	8.4	8.4	8.5	Giỏi	C12HD1
301	Hồ Quang Cường	Đạt	Nam	28/03/1999	Thành phố Hồ Chí Minh	7.6	Tốt	9.1	8.1	6	7.2	Khá	C12HD2
302	Trần Tuấn	Dương	Nam	10/5/1997	Vĩnh Linh - Quảng Trị	7.4	Khá	7	5.1	6.3	6.7	Trung bình khá	C12HD2
303	Trần Thị Thu	Hà	Nữ	04/09/2001	Hương Thủy - Thừa Thiên Huế	7.2	Tốt	8.5	7.6	7.5	7.4	Khá	C12HD2
304	Phan Mai Phương	Hậu	Nam	25/07/2000	Triệu Phong - Quảng Trị	8.4	Tốt	9.2	8.4	7.8	8.2	Giỏi	C12HD2
305	Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	28/04/2001	Huế - Thừa Thiên Huế	7.6	Tốt	7.3	6.8	7.4	7.4	Khá	C12HD2
306	Đặng Phước	Hoàng	Nam	31/01/1998	Huế - Thừa Thiên Huế	8.3	Xuất sắc	9.5	9	8.5	8.5	Giỏi	C12HD2
307	Bùi Hà Phi	Hùng	Nam	07/07/2001	Huế - Thừa Thiên Huế	7.8	Tốt	9.7	7.9	7.2	7.6	Khá	C12HD2
308	Dương Phước Bảo	Huyền	Nữ	23/07/2001	Huế - Thừa Thiên Huế	7.4	Khá	7.7	7.5	7.7	7.5	Khá	C12HD2

Stt	Họ và tên		GT	Ngày sinh	Nơi sinh	TBC TK	XLRL TK	Môn thi tốt nghiệp			Kết quả tốt nghiệp		Ghi chú
								Ctrị.TN	LTTH	THNV	TBXL TN	XHTN	
309	Nguyễn Tất	Mẫn	Nam	15/09/2001	Huế - Thừa Thiên Huế	7.4	Tốt	6.3	6.1	6.3	6.8	Trung bình khá	C12HD2
310	Phan Văn	Minh	Nam	11/08/2000	Huế - Thừa Thiên Huế	7.6	Tốt	8.5	8.3	6.4	7.3	Khá	C12HD2
311	Phan Trí	Nhân	Nam	31/01/2001	Phú Vang - Thừa Thiên Huế	7.5	Tốt	8.1	6.6	7.1	7.2	Khá	C12HD2
312	Lê Văn	Quốc	Nam	11/06/2000	Vĩnh Linh - Quảng Trị	7.3	Tốt	7.7	5.1	6.6	6.7	Trung bình khá	C12HD2
313	Bùi Văn	Tâm	Nam	24/06/2001	Huế - Thừa Thiên Huế	7.5	Tốt	8.3	6.8	6.9	7.2	Khá	C12HD2
314	Nguyễn Thanh Vĩnh	Thịnh	Nam	22/12/1999	Hương Trà - Thừa Thiên Huế	7.3	Khá	7.3	5.1	6	6.5	Trung bình khá	C12HD2
315	Nguyễn Thị Thu	Trinh	Nữ	05/12/2001	Quảng Điền - Thừa Thiên Huế	7.1	Tốt	9	5.3	6	6.4	Trung bình khá	C12HD2
316	Hồ Thị Như	Anh	Nữ	04/07/2001	Huế - Thừa Thiên Huế	7.6	Tốt	8.4	7.2	8.1	7.7	Khá	C12TA1
317	Bùi Thị Minh	Anh	Nữ	25/11/1999	Đông Hà - Quảng Trị	7.6	Tốt	7.6	7.8	6.1	7.1	Khá	C12TA1
318	Trần Thị	Bé	Nữ	08/11/2001	Huế - Thừa Thiên Huế	6.9	Khá	8.6	5.3	7.5	6.8	Trung bình khá	C12TA1
319	Bùi Thị Minh	Châu	Nữ	22/06/2001	Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	8.7	Tốt	9.2	8.4	8.9	8.7	Giỏi	C12TA1
320	Lê Công	Chinh	Nam	17/09/1997	Quảng Điền - Thừa Thiên Huế	9.2	Xuất sắc	9.4	9.4	9.8	9.4	Xuất sắc	C12TA1
321	Lê Thị Thúy	Hiền	Nữ	17/08/2001	Hương Trà - Thừa Thiên Huế	7.4	Tốt	7	6.5	7.6	7.3	Khá	C12TA1
322	Nguyễn Thị Thu	Hương	Nữ	18/3/1996	Gio Linh - Quảng Trị	7.8	Tốt	8.8	5.8	8.5	7.7	Khá	C12TA1
323	Phan Thị	Lan	Nữ	01/10/2001	Hương Trà - Thừa Thiên Huế	7.5	Tốt	9.4	7.8	8.4	7.9	Khá	C12TA1
324	Hoàng Thị Hiếu	Ly	Nữ	25/03/2001	Huế - Thừa Thiên Huế	6.9	Khá	7.3	8.5	7.5	7.4	Khá	C12TA1
325	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	23/10/1998	Huế - Thừa Thiên Huế	8.7	Tốt	10	8.3	9.2	8.8	Giỏi	C12TA1
326	Trần Phan Như	Quỳnh	Nữ	10/10/2001	Quảng Điền - Thừa Thiên Huế	8.2	Tốt	8.1	8.4	8.3	8.3	Giỏi	C12TA1
327	Lê Thị Nhất	Sang	Nữ	08/09/2001	Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	7.9	Tốt	8	7.4	8.7	8.1	Giỏi	C12TA1
328	Tôn Thất	Sơn	Nam	21/12/2000	Huế - Thừa Thiên Huế	7.5	Tốt	8.6	7	6.9	7.2	Khá	C12TA1
329	Nguyễn	Thành	Nam	10/01/1997	Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	7.1	Khá	8.8	6.6	8.3	7.4	Khá	C12TA1
330	Phan Thị Thùy	Trang	Nữ	21/05/1998	Huế - Thừa Thiên Huế	8.3	Tốt	8.3	8	7.7	8.1	Giỏi	C12TA1
331	Hoàng Trần Thu	Uyên	Nữ	22/12/1999	Huế - Thừa Thiên Huế	9.2	Xuất sắc	10	9	9.5	9.3	Xuất sắc	C12TA1
332	Trần Huỳnh Phương	Uyên	Nữ	15/10/2001	Đức Linh - Bình Thuận	8.5	Tốt	9.5	8.1	9	8.6	Giỏi	C12TA1
333	Võ Thị Thanh	Vân	Nữ	20/8/1988	Huế - Thừa Thiên Huế	7.4	Tốt	7.5	7.4	8.3	7.7	Khá	C12TA1
334	Trịnh Phan Bảo	Vương	Nam	13/11/1999	Huế - Thừa Thiên Huế	8.2	Tốt	9.7	8.5	8.8	8.5	Giỏi	C12TA1
335	Đỗ Thị Hoàng	Yến	Nữ	02/04/2000	Cư M Gar - ĐăkLăk	7.3	Tốt	8.4	7.3	7.2	7.3	Khá	C12TA1
336	Hà Thị	Ngọc	Nữ	26/9/2000	Huế - Thừa Thiên Huế	7.9	Khá	7.5	8.5	9	8.4	Giỏi	C12TA2
337	Lê Thị Như	Quỳnh	Nữ	11/12/2001	Phú Vang - Thừa Thiên Huế	6.9	Tốt	7	8.1	5.4	6.6	Trung bình khá	C12TA2

Stt	Họ và tên		GT	Ngày sinh	Nơi sinh	TBC TK	XLRL TK	Môn thi tốt nghiệp			Kết quả tốt nghiệp		Ghi chú
								Ctrị.TN	LTTH	THNV	TBXL TN	XHTN	
338	Văn Thị Ngọc	Bích	Nữ	05/09/2001	Phú Vang - Thừa Thiên Huế	6.8	Tốt	7.1	7.2	7	6.9	Trung bình khá	C12TA2
339	Nguyễn Thị Thùy	Dung	Nữ	14/05/2001	Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	7.7	Tốt	8.3	6	8.3	7.6	Khá	C12TA2
340	Mai Thị Thu	Hiền	Nữ	17/11/2001	Hương Trà - Thừa Thiên Huế	8.1	Xuất sắc	9.2	8	8.7	8.3	Giỏi	C12TA2
341	Phạm Chí	Hoà	Nam	23/08/2001	Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	7.7	Tốt	7.6	8.4	8.7	8.2	Khá	C12TA2
342	Nguyễn Thị Yến	Nhi	Nữ	26/04/2001	Hương Trà - Thừa Thiên Huế	7.3	Tốt	9	7.2	7.9	7.5	Khá	C12TA2
343	Trương Công	Phúc	Nam	20/04/1997	Phú Lộc - Thừa Thiên Huế	7.8	Tốt	9.3	7.9	9.2	8.3	Giỏi	C12TA2
344	Võ Quốc Nhật	Phương	Nam	26/10/1999	Huế - Thừa Thiên Huế	8.4	Tốt	7.7	7.5	8.5	8.3	Giỏi	C12TA2
345	Cao Nguyễn Ngọc	Quý	Nữ	23/06/2001	Phong Điền - Thừa Thiên Huế	8	Tốt	8.6	8.5	8.1	8.1	Giỏi	C12TA2
346	Ngô Thị	Quyên	Nữ	21/11/2001	Phú Vang - Thừa Thiên Huế	7.4	Tốt	7.3	7.1	8.1	7.6	Khá	C12TA2
347	Phạm Nhật	Quỳnh	Nữ	06/02/1995	Huế - Thừa Thiên Huế	8.7	Tốt	9.5	8.4	9.4	8.9	Giỏi	C12TA2
348	Nguyễn Quang	Sơn	Nam	07/08/2001	Huế - Thừa Thiên Huế	7.5	Tốt	8.6	7.7	8.2	7.8	Khá	C12TA2
349	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	Nữ	26/12/2001	Huế - Thừa Thiên Huế	6.9	Tốt	10	7.6	7.7	7.3	Khá	C12TA2
350	Nguyễn Bảo	Trân	Nữ	06/12/1999	Hương Thủy - Thừa Thiên Huế	8.4	Tốt	8.8	8.3	9.1	8.6	Giỏi	C12TA2
351	Đoàn Thị	Trang	Nữ	30/09/2001	Hương Trà - Thừa Thiên Huế	6.9	Tốt	9.2	7.1	5	6.3	Trung bình khá	C12TA2
352	Nguyễn Thị Kim	Tuyến	Nữ	18/10/2001	Quảng Trạch - Quảng Bình	8.5	Tốt	9	8.4	9.8	8.9	Giỏi	C12TA2
353	Lê Thị	Uyên	Nữ	08/05/2000	Huế - Thừa Thiên Huế	7.2	Tốt	7.7	6.5	7.5	7.2	Khá	C12TA2
354	Trần Thị Mỹ	Vân	Nữ	14/09/2001	Phú Vang - Thừa Thiên Huế	6.8	Tốt	5.6	6.1	6.8	6.7	Trung bình khá	C12TA2
355	Trần Mạnh	Bảo	Nam	30/5/1998	Huế - Thừa Thiên Huế	7.1	Khá	7.3	8.4	5.6	6.8	Trung bình khá	C12TA2

Tổng cộng có 355 sinh viên